

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 447/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 441/2021 ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Hồng P, sinh năm 1987.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: số 28/9 đường NTG, phường A, quận GV, thành phố HC.

Địa chỉ tạm trú: số 82/2A khóm Đ2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P: Luật sư LLT- Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên LT.

Địa chỉ: số 16 đường 1, phường M, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1987.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: số 28/9 đường NTG, phường 12, quận GV, thành phố HC.

Địa chỉ tạm trú: số 82/2A khóm đ2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Hồng P, Luật sư LLT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Huyền T tự quen biết tìm hiểu, sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường TMT, quận A, thành phố HC cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 19/08/2015 chứng nhận ông P và bà T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân ông P không còn tình cảm đối với bà T nên yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của ông P. Nhiều lần bà T yêu cầu ông P làm đơn khởi kiện ra Tòa án giải quyết để chấm dứt hôn nhân vì tình cảm vợ chồng không còn, chỉ xem nhau như những người bạn nhưng chung sống với nhau trong cùng một nhà, phía bà T chủ động đề nghị yêu cầu ly hôn, trả tự do cho cả hai vì hiện tại chung sống với nhau như những người xa lạ. Trong những lần làm việc, hòa giải tại Tòa án cũng đã khuyên can, phân tích giải thích động viên các bên, bà T đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của ông P và đưa ra điều kiện là yêu cầu ông P hỗ trợ cho bà T số tiền 1 tỷ đồng, bà T sẽ ký biên bản thuận tình ly hôn, do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên không đủ số tiền nêu trên đưa cho bà T và có đề nghị hỗ trợ cho bà T số tiền 200.000.000đ nhưng bà T không đồng ý. Do đó, phía bà T cũng đã đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa ông P và bà T có hai con chung tên Võ Tài Đ, sinh ngày 15/04/2016 (nam) và Võ Vạn Kim H, sinh ngày 01/06/2018 (nữ). Ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay ông P có nơi ở

ổn định tại thành phố LX, tỉnh AG, có việc làm và thu nhập ổn định nuôi sống bản thân và các con đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng, hiện nay bà T không có việc làm, không có thu nhập nên không đủ khả năng nuôi dưỡng con chung, phía bà T cũng đồng ý giao hai con chung cho ông P nuôi dưỡng và bà T cũng đưa ra điều kiện là hỗ trợ cho bà số tiền 1 tỷ đồng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Giữa ông P và bà T không có tài sản chung, chỉ có tài sản riêng của ông P, nếu bà T có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết về sau.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày theo các bản khai ngày 03/11/2021, 10/11/2021, biên bản hòa giải ngày 05/11/2021, biên bản công khai tài liệu chứng cứ ngày 07/12/2021: Về quan hệ hôn nhân và gia đình, thống nhất theo lời trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, những mâu thuẫn gia đình nhà nào cũng có và mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn. Bản thân bà T sống tốt với chồng, chăm lo con cái, bà không ngoại tình, không đồng ý ly hôn vì việc ly hôn theo yêu cầu của một bên phải bảo đảm Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do đó yêu cầu đoàn tụ gia đình, nếu ông P đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng thì bà T đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về quan hệ con chung: Bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng/1/con. Hai con chung là 6.000.000đ/tháng đến khi hai con lần lượt thành niên nhưng hiện nay, bà T không có nhà riêng tại LX, AG.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, yêu cầu ông P tặng cho con chung tên Đ một căn nhà tại quận GV, thành phố HC sau khi cháu Đ thành niên.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư LLTrình bày: Về quan hệ hôn nhân và gia đình: ông P yêu cầu xin ly hôn với bà T. Về quan hệ con chung: Ông P yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P thống nhất trình bày của Luật sư, không bổ sung ý kiến gì thêm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt không ý kiến trình bày:

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn do Luật sư trình bày về quan hệ hôn nhân giữa ông P với bà T giữa các bên có thời gian tìm hiểu quá ngắn, sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, qua lời nói và hành động. Lời nói đôi khi làm tổn thương nhau nên mong muốn ý hôn. Mong muốn Hội đồng xét xử xem xét quan điểm lỗi

sống không phù hợp, các chứng cứ cung cấp và quá trình làm việc lấy lời khai bà T có yêu cầu P có thiện chí tự nguyện hỗ trợ 200 triệu để làm ăn nhưng yêu cầu căn nhà tại thành phố HC là quá sức nên không chấp nhận.

Bị đơn cung cấp di chúc nhưng di chúc được xác lập ngày 11/11/2021 là sau ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 02/11/2021. Đây là việc của bà T nhằm đối phó trong việc mong muốn nuôi dưỡng con chung, việc lập di chúc là do ý chí của người để lại di sản có thể thay đổi bất cứ thời gian nào nên việc bà T đưa ra chứng cứ bà được hưởng di chúc là chưa có cơ sở phù hợp, không có hiệu lực pháp luật về chuyển giao quyền tài sản hưởng di sản thừa kế nghĩa là bà T chưa được toàn quyền quyết định về tài sản được hưởng nên không có nơi ở ổn định. Đối với hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty nhưng tại thời điểm Tòa án thụ lý, bà T có lời khai xác định công việc của bà T đang ở nhà làm nội trợ, nghĩa là không có thu nhập nuôi sống bản thân. Hơn nữa, trong lối sống đời thường và thái độ hành xử của bà T không trung thực, việc cung cấp tài liệu, chứng cứ chỉ mang tính đối phó tạm thời, không có căn cứ.

Về lời khai của những người làm chứng trong bản khai bà T cung cấp cho Tòa án thể hiện những người làm chứng là những người có quan hệ quen biết, trong nhóm của bà T và lời khai của những người làm chứng không được xác nhận của chính quyền địa phương xã phường nên không có căn cứ phù hợp về mối quan hệ giữa bà T và người làm chứng như thế nào nên không đủ sức thuyết phục để xem xét giao con cho bà T nuôi dưỡng.

Xét về đời sống hôn nhân thường ngày, ông P nhiều lần khuyên can nhưng bà T không thay đổi, buộc ông P xử lý bằng hình thức ghi âm, hình ảnh lưu lại nhằm tự bảo vệ bản thân và chăm lo gia đình. Trong hoàn cảnh gia đình của ông P, từ khi cha mẹ mất tâm lý hụt hẫng, nhưng không được chia sẻ của T và ngược lại nhiều lần T khuyên P nên bán tài sản của cha mẹ để lại trả nợ cho phía gia đình T.

Về hai con chung tên Võ Tài Đ và Võ Vạn Kim H đang sống chung với ông P tại phường MP, thành phố LX, tỉnh AG, ông P có nơi ở ổn định, nuôi dạy con tốt, về thu nhập kinh tế ổn định, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Đối với bà T hiện nay không có việc làm, thu nhập sinh sống nhờ vào gia đình bên chồng, không có nơi ở ổn định. Riêng bà T có phương pháp nuôi dạy con sai hoàn toàn và nhận thức người mẹ hay đánh con, không quan tâm chăm sóc, yêu thương con cái nên cần thiết giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Trường hợp bà T có thăm nom gặp gỡ con chung thì phía ông P tạo điều kiện thuận lợi cho bà T theo quy định pháp luật. Bản thân T bị rối loạn cảm xúc, không nhìn nhận cái sai của bản thân.

Ông P không bổ sung ý kiến trình bày của Luật sư. Bà T vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn ông P thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Về hôn nhân: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Huyền T quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TMT, quận 12, thành phố HC theo giấy đăng ký kết hôn số 143 ngày 19/08/2015. Sau nhiều năm chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông P yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung, ông P và bà T có hai con chung là Võ Tài Đ, sinh ngày 15/04/2016 và Võ Vạn Kim H, sinh ngày 01/06/2018. Ông P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đ và cháu H và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T không thể tiếp tục chung sống thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T có trình bày tại bản khai ngày 23/11/2021 bà T đồng ý thuận tình ly hôn nếu ông P đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P theo quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung theo trình bày của ông P và biên bản xác minh của Tòa án ngày 10/11/2021 thì hiện nay các con chung đang sống chung với ông P. Xét thấy để đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao hai con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58, 81, 82, 84 luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông P ông yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông P và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TMT, quận 12, thành phố HC; ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T; bà T cư trú (tạm trú) tại nhà số 82/2A khóm Đông Thịnh 2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG. Ông P và bà T thống nhất thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xem xét, giải quyết vụ án nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông P và bà T là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho nguyên đơn ông Võ Hồng P có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P - Luật sư LLT có mặt. Tại phiên tòa, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt. Do đó, áp dụng Điều 227, 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Huyền T trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TMT, quận 12, thành phố HC theo giấy đăng ký kết hôn số 143 ngày 19/08/2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, ông P và bà T phát sinh mâu thuẫn, ông P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình của ông P và bà T sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau. Trong thời gian giải quyết ông P luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng bà ông P không đồng ý.

[5] Xét, hôn nhân giữa ông P và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông P không còn tình cảm với bà T, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo

hạnh P gia đình, chăm lo con cái. Tại các phiên hòa giải của Tòa án ông P yêu cầu ly hôn, bà T yêu cầu đoàn tụ gia đình và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn nhưng không được ông P đồng ý, bản thân bà T biết rõ ông P không còn tình cảm, kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà T. Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng được xây dựng trên sự tự nguyện cả hai bên nhưng nay ông P không còn yêu thương bà T và tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Phía bà T trình bày tại bản khai ngày 23/11/2021 bà T đồng ý thuận tình ly hôn nếu ông P giao hai con chung bà nuôi dưỡng và tại biên bản công khai chứng cứ ngày 07/12/2021 (BL số 77) bà T có ý kiến xác định bà sẽ trình bày tranh luận về chứng cứ yêu cầu đoàn tụ gia đình và các nội dung khác có liên quan tại phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T vắng mặt nghĩa là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của bà T. Hơn nữa, qua xác minh về mâu thuẫn gia đình của ông P và bà T thể hiện theo biên bản ngày 23/11/2021 trong đó xác định về quan hệ hôn nhân và gia đình, con chung của ông P và bà T giữa vợ chồng có lớn tiếng với nhau, nguyên nhân xác định là do mai mối, tính tình không hợp nhau, không tìm hiểu nhau nên vợ chồng sống không hạnh P mặc dù gia đình sống khép kín. Do đó, căn cứ vào Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông P được ly hôn với bà T.

[6] Về quan hệ con chung: Ông P và bà T có hai con chung tên Võ Tài Đ, sinh ngày 15/04/2016 và Võ Vạn Kim H, sinh ngày 01/06/2018. Các con chung hiện nay do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại địa chỉ nhà số 82/2A tổ 17, khóm Đông Thịnh 2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

[6.1] Phía bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là Di chúc số 08325, 08311 cùng ngày 10/11/2021 do Văn phòng công chứng Quận 12, thành phố HC chứng nhận bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Bá Q sau khi qua đời bà T sẽ thừa hưởng di sản thừa kế do bà Hạnh, ông Quang để lại là toàn bộ phần thực quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Hạnh, ông Quang trong căn nhà và quyền sử dụng thửa đất số 21-1, tờ bản đồ số 4C, tại địa chỉ số 423/20/5A1 KP 2, phường TMT, quận 12, thành phố HC. Kèm theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 5341, ngày 16/07/2003 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận 12 xác nhận thay đổi chủ sở hữu là ông Nguyễn Bá Quang và bà Nguyễn Thị Hạnh vào ngày 18/08/2014 và Hợp đồng lao động số 05/HĐLD/2021-HNP (không thể hiện ngày, tháng, năm); (BL số 86), trong đó thể hiện thời hạn hợp đồng lao động từ ngày 01/03/2021, làm việc tại C8/11C8, ấp 3, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố HC, tiền lương và phụ cấp tổng cộng 10.000.000đ (chưa tính phụ cấp hiệu suất công việc, lương hiệu quả do phụ thuộc theo đánh giá của quản lý và phòng, ban của Công ty). Kèm theo hợp đồng lao

động là giấy chứng nhận số hiệu 5607/BDHTMNDL-Q12, ngày 08/04/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Sài Gòn chứng nhận bà T đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non dân lập, tư thục. Mục đích chứng minh cho yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, có việc làm và thu nhập ổn định.

[6.2] Tuy nhiên, bà T và ông P thừa nhận và xác định các con có nơi ở ổn định tại địa chỉ nhà của ông P tại thành phố LX, tỉnh AG. Bà T cho rằng ông P có thu nhập, nơi ổn định. Riêng bà T không có nơi ở ổn định nhà đất tại LX, AG. Xét các con chung hiện nay do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt hai con chung, có nơi ở và thu nhập ổn định tại phường MP, thành phố LX, tỉnh AG. Do đó, xét cần thiết ổn định nơi ở, học tập nên cần thiết giao hai con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có).

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P cho rằng giữa ông và bà T không có tài sản chung, chỉ có tài sản riêng của cha mẹ cho cá nhân ông P thể hiện qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Trần Thị C cho ông P ngày 13/08/2019. Bà T xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông P nộp tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0000644, ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX là phù hợp theo quy định pháp luật. Bà T không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huyền T.

Về quan hệ con chung: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Huyền T có hai con chung tên Võ Tài Đ, sinh ngày 15/04/2016 và Võ Vạn Kim H, sinh ngày 01/06/2018. Ông Võ Hồng P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung do ông P không yêu cầu. Ông P tạo điều kiện thuận lợi cho bà T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Hồng P và bà Nguyễn Thị Huyền T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Hồng P nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000644 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Ông Võ Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị Huyền T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương

